

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Hà, ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Số: 56/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Chị Vũ Thị H1. Sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Bùi Văn Đ1, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Q1, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H1 và anh Bùi Văn Đ1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Vũ Thị H1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 28/7/2009 và Bùi Hải V, sinh ngày 14/5/2013 đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Việc nuôi dưỡng được thực hiện từ tháng 6 năm 2020.

Anh Bùi Văn Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở, có quyền thay đổi nuôi con nếu chị H1 không nuôi dưỡng được con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống anh Bùi Văn Đ1 và chị Vũ Thị H1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị H1 phải chịu phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Chị Vũ Thị H1 đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006850 ngày 29/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà. Trả lại chị Vũ Thị H1 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh.*
- *VKSND huyện Hải Hà;*
- *UBND xã Q1;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hương Lan

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14:

Điều 26. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

7. Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí, kể cả đối với các vụ án không có giá ngạch.

Điều 27. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong một số loại việc cụ thể

5. Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

a) Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí;